TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 4 - 2025
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, chia tài sản chung* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Riêng
2. Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nhiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 520/2019/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, chia tài sản chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025. Giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1976; địa chỉ: ấp Cây Huệ, xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Lại Chí T, sinh năm: 1974; địa chỉ: ấp Cây Huệ, xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Lại Ngọc Nữ, sinh năm: 1992 (có đơn xin vắng mặt)

3.2. Chị Lại Thị Ngọc Yến, sinh năm: 1997 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Cây Huệ, xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph trình bày:

Chị và anh T tự tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng nhiều quan điểm, tính tình không hợp nhau, anh T không lo làm ăn, không quan T chăm sóc vợ con. Chị và anh T đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2012 cho đến nay. Nay chị và anh T không thể hàn gắn chung sống với nhau nên chị Phyêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Phxác định chị và anh T có hai con chung tên Lại Ngọc Nữ, sinh năm 1992 và Lại Thị Ngọc Yến, sinh năm 1997, hiện các con đều đã trưởng thành, chị không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung của vợ chồng: Trong quá trình chung sống chị và anh T có diện tích đất 79,8m^2 thuộc thửa đất lô H, nền 23 và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất toạ lạc tại ấp Cây Huệ, xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Từ khi chị và anh T sống ly thân với nhau chị Phsinh sống tại căn nhà trên và nuôi dưỡng hai con. Chị Phyêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu được quyền tiếp tục sử dụng toàn bộ thửa đất và căn nhà toạ lạc trên đất để nuôi con, chị đồng ý giao lại cho anh T ½ giá trị nhà và đất.

Về nợ chung: Chị Phxác định không có và không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lại Chí T không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với các yêu cầu khởi kiện của chị Phvà không có đơn yêu cầu phản tố..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lại Ngọc Nữ và chị Lại Thị Ngọc Yến: Không có ý kiến và yêu cầu gì.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng và nội dung của của Tòa án như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán chấp hành các quy định về thụ lý vụ án, về thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng theo quy định, đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự. Tuy nhiên vụ án còn để kéo dài quá thời hạn luật định, cần khắc phục.

Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Lại Chí T được gia tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn nên hôn nhân giữa chị Phvà anh T là hợp pháp. Chị Phcho rằng giữa chị và anh T bất đồng nhiều quan điểm, tính tình không hợp, anh T không lo làm ăn, không quan T chăm sóc vợ con nên chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2012. Kể từ khi khởi kiện đến nay anh T cũng không có liên

hệ chị Phđể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nên xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị Phvà anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên chị Phyêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Phly hôn anh T.

Về con chung: Chị Phxác định chị và anh T có hai con chung là Lại Ngọc Nữ, sinh ngày 15/03/1992 và Lại Thị Ngọc Yến, sinh ngày 20/9/1997, đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Phxác định tài sản chung của vợ chồng là diện tích đất 79,8m^2 thuộc thửa đất lô H, nền 23 và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất toạ lạc tại ấp Cây Huệ, xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã được ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh T đứng tên, giấy chứng nhận hiện do anh T cất giữ.

Chị Phthống nhất giá trị tài sản theo chứng thư định giá, nhưng quá trình giải quyết anh T không có ý kiến gì về tài sản chung nên chia theo quy định pháp luật. Xét thấy từ khi chị Phvà anh T sống ly thân, tài sản trên do chị Phquản lý sử dụng nên đề nghị tiếp tục giao cho chị Phượng, chị Phcó trách nhiệm giao trả cho anh T ½ giá trị căn nhà và thửa đất với số tiền là 230.702.500 đồng.

Về nợ chung: Chị Phxác định không có và không yêu cầu giải quyết, anh T cũng không có ý kiến gì nên không xem xét.

Tuyên xử về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phkhởi kiện anh T yêu cầu được ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn nên đây là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, chia tài sản chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chi Phlà nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Yến và chị Nữ có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn anh T có nơi cư trú tại xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T nhưng không thực hiện được do anh T không có mặt tại nơi cư trú. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng trên theo quy định của pháp luật nhằm thông tin nội dung vụ kiện, các yêu cầu của chị Phđể anh T biết và

có ý kiến phản hồi nhưng anh T vắng mặt qua các lần công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên Tòa xét xử không có lý do.

Do đó Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Phượng, chị Nữ, chị Yến và anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phvà anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991, được Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Theo sự xác định của chị Phượng, anh chị đã không quan T chăm sóc, ly thân nhau trong thời gian dài từ năm 2012 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Riêng anh T không có ý kiến và cũng không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phượng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Nhưng anh T không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến, không tham gia tố tụng tại Tòa án nên xem như anh T đã mặc nhiên thừa nhận. Vì vậy, chị Phyêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phđược ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Chị Phxác định chị và anh T có hai con chung là Lại Ngọc Nữ, sinh ngày 15/03/1992 và Lại Thị Ngọc Yến, sinh ngày 20/9/1997, hiện đã trưởng thành. Anh T không có ý kiến gì về con nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà chị Phcung cấp là giấy khai sinh của cháu Nữ và cháu Yến, đã xác định cháu Lại Ngọc Nữ, sinh ngày 15/03/1992 và Lại Thị Ngọc Yến, sinh ngày 20/9/1997 là con chung của chị Phvà anh T. Hiện cháu Nữ và cháu Yến đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Phxác định tài sản chung của vợ chồng là diện tích đất 79,8m^2 thuộc thửa đất lô H, nền 23 loại đất ở nông thôn và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất toạ lạc tại ấp Cây Huệ, xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã được ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh T đứng tên.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và trích đo địa chính số TĐ 163-2021 (H.23-P1 (25-4330) ngày 17/12/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Riềng, diện tích theo đo đạc thực tế là 79,8m^2, có vị trí và số đo các cạnh cụ thể (có sơ đồ kèm theo):

Cạnh 1-2 giáp đường số 01 có số đo 5,70m;

Cạnh 2-3 giáp đất anh Huỳnh Hữu Hiệp số 01 có số đo 14,00m;

Cạnh 3-4 giáp cống thoát nước có số đo 5,70m;

Cạnh 4-1 giáp đất của anh Trương Hoàng Sang có số đo 14,00m.

Theo chứng thư định giá số 867/2021/CT-BĐS/MIVC ngày 29/12/2021 tổng giá trị nhà và đất là 461.405.000 đồng. Chị Phyêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu được nhận hiện vật, chị đồng ý giao trả cho anh T ½ giá trị nhà và đất.

Xét yêu cầu chia tài sản chung của chị Phlà có căn cứ chấp nhận - Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết cũng như toàn bộ các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định được chị Phvà anh T có tài sản chung diện tích đất 79,8m^2 thuộc thửa đất lô H, nền 23 loại đất ở nông thôn và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất hiện nay chị Phđang quản lý sử dụng.

Chị Phvà anh T kết hôn vào năm 1991 đến năm 2017 anh T được cấp giấy chứng nận quyền sử dụng đất. Tại công văng số: 47/UBND-TNMT ngày 01/02/2023 của ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng xác định: Thửa đất số 263 (H23) được UBND huyện cấp cho hộ anh Lại Chí T, số giấy CK426631, số vào sổ CH00494, cấp vào ngày 22/9/2017 được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng diện tích và đúng đối tượng người sử dụng đất và là cấp cho hộ gia đình. Từ đó có căn cứ để xác định được thửa đất lô H, nền 23 là tài sản chung của chị Phvà anh T Do đó chị Phyêu cầu chia đôi tài chung của vợ chồng là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của chị Phyêu cầu được tiếp tục sử dụng đất và căn nhà tọa lạc trên đất là có căn cứ chấp nhận - Bởi lẽ xét thấy từ khi chị Phvà anh T sống ly thân với nhau thì nhà và đất do chị Phquản lý sử dụng và nuôi dưỡng hai con chung của chị và anh T. Do đó Hội đồng xét xử nghị nên tiếp tục giao cho chị Phquản lý sử dụng thửa đất lô H, nền 23 và căn nhà tọa lạc trên đất, buộc chị Phphải giao lại cho anh T ½ giá trị căn nhà và thửa đất với số tiền là 230.702.500 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật chị Phcó yêu cầu, thì liên hệ cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK426631, số vào sổ CH00494, cấp vào ngày 22/9/2017 điều chỉnh và cấp lại cho những người được chia tài sản là quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất theo trích đo địa chính số TĐ 163-2021 (H.23-P1 (25-4330) ngày 17/12/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Riềng là diện tích 79,8m^2 thuộc thửa đất lô H, nền 23 loại đất ở nông thôn tọa lạc ấp Cây Huệ, xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2.4] Về nợ chung: Chị Phxác định không có và không yêu cầu giải quyết, anh T cũng không có ý kiến gì nên không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phphải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên phần tài sản được chia trị giá 230.702.500 đồng x 5% =

11.535.125 đồng, làm tròn là 11.535.000 đồng, tổng cộng là 11.835.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phđã nộp là 3.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008065 ngày 25/12/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Chị Phcòn phải nộp thêm số tiền là 8.835.000 đồng.

Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên phần tài sản được chia trị giá 230.702.500 đồng x 5% = 11.535.125 đồng, làm tròn là 11.535.000 đồng.

[4] Về chi phí tố tụng: Áp dụng khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 628.000 đồng theo hóa đơn số 0001070 ngày 21/12/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Riềng. Chi phí định giá tài sản tranh chấp số tiền là 4.678.000 đồng theo phiếu thu số 0000479 ngày 30/12/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá và tư vấn đầu tư Miền Tây. Tổng chi phí tố tụng là 5.306.000 đồng buộc chị Phvà anh T mỗi người phải chịu ½. Chị Phđã nộp xong nên buộc anh T giao trả lại cho chị Phsố tiền chi phí tố tụng là 2.653.000 đồng.

Xét đề nghị trên của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 và Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ph được ly hôn với anh Lại Chí T.

2. Về tài sản chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ph quản lý sử dụng căn nhà và diện tích đất 79,8m^2 loại đất ở nông thôn thuộc lô H, nền 23, tọa lạc tại ấp Cây Huệ, xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Theo trích đo địa chính số TĐ 163-2021 (H.23-P1 (25-4330) ngày 17/12/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Riềng, đất có vị trí và số đo các cạnh cụ thể (có sơ đồ kèm theo):

Cạnh 1-2 giáp đường số 01 có số đo 5,70m;

Cạnh 2-3 giáp đất anh Huỳnh Hữu Hiệp số 01 có số đo 14,00m;

Cạnh 3-4 giáp cống thoát nước có số đo 5,70m;

Cạnh 4-1 giáp đất của anh Trương Hoàng Sang có số đo 14,00m.

- Buộc chị Nguyễn Thị Ph giao lại cho anh Lại Chí T ½ giá trị căn nhà và đất với số tiền là 230.702.500 đồng (hai trăm ba mươi triệu bảy trăm lẻ hai nghìn năm trăm đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật chị Phcó yêu cầu, thì liên hệ cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK426631, số vào sổ CH00494, cấp vào ngày 22/9/2017 điều chỉnh và cấp lại cho những người được chia tài sản là quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất theo trích đo địa chính số TĐ 163-2021 (H.23-P1 (25-4330) ngày 17/12/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Riềng là diện tích 79,8m^2 thuộc thửa đất lô H, nền 23 loại đất ở nông thôn tọa lạc ấp Cây Huệ, xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

3.Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

- Buộc chị Nguyễn Thị Ph phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.535.000 đồng (mười một triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng), tổng cộng là 11.835.000 đồng (mười một triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phđã nộp là 3.000.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008065 ngày 25/12/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Chị Phcòn phải nộp thêm số tiền là 8.835.000 đồng (tám triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng)

- Buộc anh Lại Chí T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.535.000 đồng (mười một triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

5. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 628.000 đồng theo hóa đơn số 0001070 ngày 21/12/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Riềng. Chi phí định giá tài sản tranh chấp số tiền là 4.678.000 đồng theo phiếu thu số 0000479 ngày 30/12/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá và tư vấn đầu tư Miền Tây. Tổng chi phí tố tụng là 5.306.000 đồng buộc chị Phvà anh T mỗi người phải chịu ½. Chị Phđã nộp xong nên buộc anh T giao trả lại cho chị Phsố tiền chi phí tố tụng là 2.653.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Văn Hôm